

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26 /2010/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 27 tháng 8 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 2; khoản 3 Điều 4 của Quyết định số 213/2004/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2004 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng lề đường, bến, bãi, mặt nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy định pháp luật về phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 96/2010/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2010 của HĐND thành phố Đà Nẵng khoá VII, nhiệm kỳ 2004 - 2011, kỳ họp thứ 16 về quy định và điều chỉnh một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1421/STC-QLNS ngày 19 tháng 8 năm 2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 4 Điều 2; khoản 3 Điều 4 của Quyết định số 213/2004/QĐ-UB ngày 30 tháng 12 năm 2004 của UBND thành phố Đà

Những về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí sử dụng lề đường, bến, bãi, mặt nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 như sau:

“2. Mức thu phí sử dụng lề đường, bến, bãi tại khu vực Âu thuyền Thọ Quang như sau:

a. Trường hợp đối tượng được phép sử dụng, có nhu cầu sử dụng lề đường, bến, bãi:

- Thời gian sử dụng 01 ngày: 1.000 đồng/m²/ngày;
- Thời gian sử dụng 01 tháng: 10.000 đồng/m²/tháng.

b. Không thu phí đối với tàu thuyền vào neo, đậu để tránh bão, lụt.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau:

“4. Mức thu phí sử dụng Cảng cá tại khu vực Cảng cá, Âu thuyền Thọ Quang theo Phụ lục đính kèm.”

3. Sửa đổi khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Đối với việc sử dụng Cảng cá:

Cơ quan thu phí là Ban quản lý Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang Đà Nẵng được trích 90% tổng số phí thu được trước khi nộp vào ngân sách để chi phí phục vụ công tác thu; phần còn lại 10% nộp vào ngân sách thành phố.”

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế thành phố; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng; Chủ tịch UBND các quận, huyện; Trưởng Ban quản lý Âu thuyền và Cảng cá Thọ Quang Đà Nẵng và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Duy Khương

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 26 /2010/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2010
của UBND thành phố Đà Nẵng)

TT	Nội dung thu phí	Đơn vị tính	Mức thu
I	Nước đá cây		Không thu
II	Đối với tàu thuyền các loại		
1	Đối với tàu cá cập cảng	Đồng/lần cập cảng (không quá 12 giờ)	
1.1	Tàu nhỏ (có công suất từ 6CV đến 12CV)	Nt	5.000
1.2	Tàu vừa (có công suất từ 13CV đến 30CV)	Nt	10.000
1.3	Tàu trung (công suất từ 31CV đến 90CV)	Nt	20.000
1.4	Tàu lớn (có công suất từ 91CV trở lên)	Nt	30.000
	<i>Nếu quá thời gian quy định nhưng không ra khỏi cảng thì phải nộp phí lưu bến, bãi, cầu cảng bằng 30% mức thu phí/giờ</i>		
2	Đối với tàu cá vào neo đậu bình thường		Không thu
3	Đối với tàu vận tải cập cảng	Đồng/tấn đăng ký/lần	
3.1	Có trọng tải dưới 5 tấn	Đồng/lần cập cảng (không quá 12 giờ)	5.000
3.2	Có trọng tải từ 5 tấn đến 10 tấn	Nt	10.000
3.3	Có trọng tải trên 10 tấn đến 100 tấn	Nt	40.000
3.4	Có trọng tải trên 100 tấn	Nt	60.000
4	Đối với xe cơ giới vận tải hàng hóa và xe chuyên chở hành khách	Đồng/lần vào ra không qua đêm	
4.1	Xe có trọng tải dưới 1 tấn	Nt	5.000
4.2	Xe có trọng tải từ 1 tấn đến 2,5 tấn	Nt	10.000
4.3	Xe có trọng tải trên 2,5 tấn đến 5 tấn	Nt	15.000
4.4	Xe có trọng tải trên 5 tấn đến 10 tấn	Nt	20.000
4.5	Xe có trọng tải trên 10 tấn	Nt	25.000
5	Đối với xe vận tải thô sơ		
5.1	Tính cho 01 lần vào, ra cảng	Đồng/lần vào, ra	1.000
5.2	Tính theo tháng	Đồng/tháng	15.000
III	Đối với hàng hóa qua cảng (bao gồm cả hàng thủy, hải sản, động vật sống)	Đồng/tấn	5.000